TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 81/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 149/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Yến N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và Phạm Thị Yến N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Yến N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Yến N thống nhất thỏa thuận khi ly hôn chị N được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 02/9/2019. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hiện cháu Nguyễn Thị Bích T đang sống chung với chị Phạm Thị Yến N.

2.3.Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị Yến N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, anh Nguyễn Văn T đã dự nộp tiền án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006819 ngày 19/4/2024 nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Anh Nguyễn Văn T còn được nhận lại 150.000 đồng. Chị N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- UBND xã NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Đào